

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TRI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/5/2022

V/v “ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Trung

2. Ông Trần V Chu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 325/2021/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2021 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50A/2022/QĐST - HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40A/2022/QĐST-NHGD ngày 04 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1988 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh V, sinh năm 1978 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2021, trong quá trình tố tụng nguyên

đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thanh V cưới nhau năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre trên cơ sở tự nguyện do tự tìm hiểu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 12 năm 2013 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cự cãi nhau. Chị và anh V đã sống ly thân từ cuối năm 2013 cho đến nay không có hàn gắn lại được với nhau. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh V

Về con chung: Chị và anh V có 01 con chung tên Nguyễn Thanh P, sinh ngày 12/01/2009, hiện đang sống với anh V. Khi ly hôn chị đồng ý để anh V tiếp tục nuôi con chung và chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng).

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

Tại đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Thanh V trình bày.

Anh và vợ cưới nhau năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Chánh ngày 15/8/2013 trên tinh thần tự nguyện. Sau khi cưới hai bên chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, dần dần không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay chị V yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị V có 01 con chung tên Nguyễn Thanh Phong, sinh ngày 12/01/2009 hiện đang sống với anh, khi ly hôn anh yêu cầu được quyền nuôi con chung và yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Nguyên đơn chấp hành nghiêm túc quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án đưa ra xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh V. Về con chung: giao con chung tên Nguyễn Thanh P, sinh ngày 12/01/2009 cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng. Chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng. Tài sản chung, nợ chung: không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L và bị đơn anh Nguyễn Thanh V có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Thanh V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh V kết hôn năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Chánh, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre vào ngày 15/8/2013 trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng cuối năm 2013 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi. Trong thời gian sống ly thân hai bên không hàn gắn được. Chị L yêu cầu ly hôn và anh V cũng đồng ý ly hôn. Qua đó, đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị L và anh V đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do đó chị L yêu cầu ly hôn với anh V là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị L và anh V 01 con chung là Nguyễn Thanh P, sinh ngày 12/01/2009. Từ khi chị L và anh V sống ly thân đến nay cháu P do anh V chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Anh V có yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi cháu Phong và chị L cũng đồng ý, ngoài ra, cháu P cũng có nguyện vọng được sống chung với anh V nếu anh V chị L ly hôn. Do đó, để ổn định tâm lý, cũng như sự phát triển bình thường của cháu Phong yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi

con chung của anh V là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh V yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, tuy nhiên, chị L tự nguyện dưỡng nuôi cháu P với mức cấp dưỡng 1.000.000đồng/tháng, đây là sự tự nguyện của chị L được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Xét quan điểm đề nghị về nội dung giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri là cùng quan điểm nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và L phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Thanh V. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 57 ngày 15/8/2013 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thanh P, sinh ngày 12/01/2009 cho chị Nguyễn Thanh V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thanh P với mức cấp dưỡng 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng đến khi cháu Phong tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ ngày 30/5/2022.

Chị Nguyễn Thị L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp chị L lạm dụng việc thăm nom con để gây ảnh hưởng xấu đến việc

trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu P thì anh V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị L. Vì lợi ích của con chung hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0007745 ngày 07/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp L để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- UBND xã M (B, Bến Tre)
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Duy Linh

